



# HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ Ở NƯỚC TA

HỒ NGỌC LUẬT \*

**T**HỊ trường khoa học và công nghệ là một phương thức thương mại hóa các thành quả khoa học và công nghệ, thúc đẩy gắn kết khoa học và công nghệ với sản xuất. Theo nghĩa rộng, thị trường khoa học và công nghệ là tổng hòa các mối quan hệ trao đổi mua bán, môi giới, giám định, thưởng phạt, khiếu kiện giữa các bên giao dịch.

Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng nhân mạnh: Phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên cơ sở đổi mới cơ chế, chính sách để phân lớn sản phẩm khoa học và công nghệ (trừ nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu phục vụ xây dựng đường lối, chiến lược, chính sách phát triển) trở thành hàng hóa. Thông tin rộng rãi và tạo môi trường cạnh tranh để các sản phẩm khoa học và công nghệ được mua bán thuận lợi trên thị trường. Chuyển các tổ chức nghiên cứu và phát triển thuộc nhiều loại hình sở hữu sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp.

Về xây dựng và phát triển thị trường công nghệ, Luật Khoa học - Công nghệ cũng đã chỉ rõ: Nhà nước có các chính sách và biện pháp khuyến khích mọi hoạt động chuyển nhượng, chuyển giao công nghệ theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, các bên cùng có lợi; hoàn thiện chính sách, pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ; áp dụng các chính sách ưu đãi đối với sản phẩm đang trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm bằng công nghệ mới;

sản phẩm được làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng tại Việt Nam; hoạt động tư vấn khoa học và công nghệ; thiết bị công nghệ cao nhập khẩu, xuất khẩu công nghệ; áp dụng chế độ thưởng cho tập thể lao động và cá nhân có sáng chế, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và ứng dụng công nghệ mới được chuyển giao; các tổ chức khoa học và công nghệ được thành lập tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ, doanh nghiệp trực thuộc; được hợp tác, liên doanh với tổ chức, cá nhân để tiến hành hoạt động chuyển giao công nghệ.

Nói đến thị trường, cơ bản phải bàn đến "cung, cầu", môi trường pháp lý và xã hội để cung và cầu có thể quan hệ, giao tiếp, trao đổi với nhau. Giai đoạn ban đầu, đặc trưng của thị trường khoa học và công nghệ là sự tự nguyện giải quyết những vấn đề sản xuất (đơn vị sản xuất) đặt ra cho các cá nhân, tổ chức khoa học và công nghệ. Các cá nhân, tổ chức khoa học và công nghệ bắt đầu tham gia vào các dịch vụ tư vấn kỹ thuật, hỗ trợ các doanh nhân, doanh nghiệp trong việc giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong sản xuất; chuyển giao thành quả khoa học và công nghệ cho sản xuất. Khi nhận thức của xã hội về vai trò không thể thiếu được

\* TS, Vụ trưởng Vụ Khoa học Tự nhiên, Công nghệ và môi trường, Ban Khoa giáo Trung ương

của khoa học và công nghệ đối với xây dựng kinh tế ngày một nâng cao, thì thị trường khoa học và công nghệ sẽ được chỉ đạo, định hướng và tổ chức để hình thành một thị trường thực sự đối với các thành quả khoa học và công nghệ. Khi thành quả khoa học và công nghệ được thừa nhận là hàng hóa, được thương mại hóa thực sự, lúc đó thị trường khoa học và công nghệ mới khẳng định được vị trí và vai trò của nó. Như vậy, sự phát triển thị trường khoa học và công nghệ là hệ quả của phát triển kinh tế, phát triển của khoa học và công nghệ và mối quan hệ cung cầu giữa khoa học, công nghệ và sản xuất; sự phát triển nhận thức của xã hội đối với lực lượng khoa học, công nghệ là một lực lượng sản xuất, đối với thành tựu khoa học và công nghệ là một sản phẩm hàng hóa.

Trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhu cầu nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới sản phẩm, đổi mới công nghệ, hợp lý hóa, nâng cao trình độ công nghệ, nâng cao hiệu quả của các khâu sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, đổi mới cây trồng, vật nuôi, chuyên canh hóa sản xuất,... là rất lớn. Thế nhưng, hiện nay nhu cầu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ của nhiều doanh nghiệp chưa trở thành cấp thiết trong cạnh tranh. Điều này, trong khu vực kinh tế nhà nước do tác động của cơ chế bao cấp và trong nền kinh tế nói chung có vấn đề bảo hộ hàng nội địa. Các doanh nghiệp nhà nước không dễ gì đổi mới công nghệ vì không chủ động được vốn; muốn có vốn vay phải qua nhiều cửa, nên bỏ lỡ nhiều cơ hội kinh doanh. Các công trình do Nhà nước đầu tư, khi xem xét luận chứng phải qua nhiều thủ tục hành chính, nên các giải pháp công nghệ trong nước, mặc dù có hiệu quả hơn thường không được chấp nhận. Như vậy, chế độ bao cấp, độc quyền trong sản xuất,

kinh doanh và nhiều cơ chế, chính sách khác đang gây cản trở cho việc đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học. Một số quy tắc đấu thầu trong sản xuất hiện nay (đòi hỏi các thiết bị mới, các sản phẩm mới phải được ứng dụng có kết quả qua nhiều năm...) không phù hợp, đang loại trừ các sản phẩm nghiên cứu ở trong nước, cản trở phát huy nội lực của các nhà khoa học và công nghệ.

Ở nước ta, mức đầu tư bình quân của các doanh nghiệp cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ không quá 0,25% doanh thu, trong khi các nước công nghiệp tỉ lệ này thường là 5% - 6%, còn các nước phát triển là 10%; đối với các ngành công nghệ cao, đầu tư cho nghiên cứu - phát triển chiếm từ 10% - 20% doanh thu. Hiện Việt Nam có trên 110.000 doanh nghiệp. Qua điều tra 5.000 doanh nghiệp, kinh phí đầu tư cho nghiên cứu - phát triển, chuyển giao đổi mới công nghệ là 895 tỉ đồng. Trong đó cho hoạt động nghiên cứu - phát triển khoảng 60 tỉ còn lại 835 tỉ dành cho hoạt động chuyển giao công nghệ.

Thực tế cho thấy, những khó khăn thực sự của sản xuất, nhất là các doanh nghiệp quốc doanh thời gian qua chưa bị thúc ép đến chân tường để phải tìm đến khoa học công nghệ, tìm đến những giải pháp giải quyết triệt để; thay vào đó các doanh nghiệp có thể tìm được những giải pháp đơn giản hơn (giãn nợ, xóa nợ...) mà vẫn ung dung tồn tại và "phát triển". Bên cạnh đó, nói về cung của thị trường khoa học và công nghệ, chúng ta có một đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ không nhỏ, một hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ về mọi lĩnh vực khoa học, một hệ thống các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ các cấp,... Nhưng kết quả nghiên cứu của ta, phần lớn vẫn trần trọc trên bàn các nhà khoa học; nung nấu, mong muốn mà tỷ lệ kết quả trở thành hàng hóa, trở thành thương phẩm mang tên Việt Nam, công nghệ Việt Nam, sức

mạnh kinh tế của Việt Nam vẫn là con số quá nhỏ.

Ở nước ta hiện nay chưa có thị trường công nghệ theo đúng nghĩa đầy đủ (được hiểu là thị trường công nghệ hoạt động trên cơ sở pháp lý và được quản lý bằng pháp luật; có điều lệ quản lý thị trường công nghệ và hệ thống pháp quy kèm theo nó; có hệ thống tổ chức quản lý và triển khai các hoạt động nghiệp vụ, có hệ thống cơ quan trung gian môi giới dịch vụ được ra đời và hoạt động theo pháp quy thống nhất). Từ nhiều năm qua, triển khai các quan điểm, đường lối, nghị quyết của Đảng, Nhà nước ta đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trực tiếp phục vụ sản xuất kinh doanh.

Có thể nói, những điều kiện cơ bản cần thiết nhất, như chủ trương, đường lối và cơ chế, chính sách cho phát triển thị trường khoa học và công nghệ đủ để bắt đầu xúc tiến phát triển thị trường này. Tuy nhiên, trên thực tế mức độ đi vào cuộc sống của các chủ trương này rất hạn chế, mới dừng lại ở mức nêu ra cái cần và cái phải làm, chưa có văn bản nêu ra làm gì và làm thế nào để xây dựng và đưa thị trường khoa học và công nghệ vào hoạt động. Phần nào liên quan đến quyền của công dân, các tổ chức được làm, thì nội dung đó được thực hiện; phần nào liên quan đến phải đổi mới cơ chế, chính sách quản lý để phù hợp với xu thế và nhu cầu phát triển của thực tiễn thì nội dung đó được triển khai một cách dè dặt, chậm trễ. Nhưng vấn đề là ở chỗ, không một cán bộ nào phải chịu trách nhiệm vì việc triển khai chậm trễ hoặc không được thực thi.

Vấn đề đáng quan tâm là, ở nước ta chưa hình thành hệ thống tổ chức thị trường khoa học và công nghệ hoạt động theo đúng ý nghĩa của nó là có quản lý, có trật tự, trên cơ sở luật pháp mà mới chỉ có các tổ chức có hoạt động liên quan đến môi giới, chuyển giao công nghệ

(các trung tâm chuyển giao công nghệ, liên hiệp khoa học - sản xuất...). Ở nước ta cũng chưa hình thành hệ thống cơ quan chỉ đạo, quản lý nghiệp vụ, tổ chức trung gian từ trung ương đến các địa phương, ngành - những yếu tố cấu thành khung tổ chức của thị trường khoa học - công nghệ. Chúng ta cũng đã tổ chức các hội chợ triển lãm sản phẩm sản xuất trong nước, trong đó có mặt các sản phẩm mới, công nghệ mới; một số hội chợ thương mại quốc tế. Tuy nhiên, các hội chợ này chưa phải là hội chợ giao dịch mua bán công nghệ giữa bên bán và bên mua mà chỉ mang nặng tính trưng bày kết quả hoạt động khoa học và công nghệ để động viên, khen thưởng, không phải nhằm mục tiêu chuẩn hóa thành sản phẩm hàng hóa công nghệ để có thể giao dịch và mua bán.

*Nhận thức của xã hội về sở hữu trí tuệ còn rất thấp so với đòi hỏi bức bách của kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế thế giới hiện nay.* Nhiều nhãn hiệu hàng hóa của ta bị chiếm đoạt trên thị trường quốc tế, do chúng ta không kịp thời đăng ký như nhãn Vinataba, Cà phê Trung Nguyên, gần đây là của Petro Việt Nam... Những quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ đều rất chung chung, không rõ ràng, dẫn đến có trong cùng một trường hợp, mỗi người có thể hiểu theo một cách khác nhau. Những vụ tranh chấp dai dẳng nhiều năm về nhãn hiệu "Super Maxilite" và "Super Maxilitex" giữa Công ty Sơn Nippon và Công ty Sơn ICI, tranh chấp nhãn hiệu "Trường Sinh" giữa Công ty TNHH Trường Sinh và Công ty TNHH Foremost, tranh chấp nhãn hiệu "Hữu Nghị" giữa Công ty Thực phẩm miền Bắc và Công ty cổ phần Bánh kẹo Hữu Nghị... là những ví dụ sinh động nhất về sự không rõ ràng trong pháp luật về sở hữu trí tuệ hiện nay. Sự "đa nghĩa" của Luật Sở hữu trí tuệ đang bào mòn niềm tin của các doanh nhân nước ngoài đối với môi trường kinh doanh của Việt Nam, ít nhất là trên góc độ pháp luật.

Việc thực thi pháp chế về sở hữu trí tuệ chưa nghiêm minh, xử lý hành chính chưa kịp thời, chưa đúng mức; đội ngũ thực thi các nhiệm vụ này quá yếu. Chưa có cơ chế gắn kết, ràng buộc lợi ích của người sáng tạo, lợi ích người áp dụng thành quả sáng tạo và lợi ích toàn xã hội. Một khía cạnh quan trọng trong thực thi pháp chế sở hữu trí tuệ là quyền tài sản trí tuệ không có trong truyền thống ở Việt Nam. Đây thực sự là một nét thiếu trong văn hóa chúng ta. Người Nhật, người Hoa và hầu hết xứ sở chịu ảnh hưởng của Nho giáo đã lần lượt biến xứ sở của họ thành xứ sở công nghệ. Người Việt Nam chưa quen tiếp nhận tài sản trí tuệ, chưa biết giữ gìn khai thác và làm giàu bởi thứ tài sản này. Việc cung cấp tài sản trí tuệ phần lớn do Nhà nước đảm nhiệm. Thực sự đã đến lúc hình thành thị trường và xúc tiến các tư duy phát triển thị trường tài sản trí tuệ và tiến tới để thị trường đó điều tiết hướng phát triển của trí tuệ Việt Nam. Làm ra tài sản trí tuệ trước hết là công việc của toàn xã hội, trong đó Nhà nước đóng vai trò quan trọng, chủ chốt trong bảo hộ quyền về tài sản trí tuệ. Đây là chìa khóa tạo lập điều kiện cơ bản, cần thiết cho thị trường khoa học và công nghệ phát triển.

Thực tiễn trên đây phần nào lý giải nguyên nhân thị trường khoa học và công nghệ Việt Nam chưa phát triển. Để phát triển nhanh chóng thị trường khoa học công nghệ theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng, trước mắt chúng ta cần tập trung thực hiện những nhiệm vụ cơ bản sau:

*Thứ nhất, thành lập cơ quan quản lý và xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ.* Ở trung ương là Trung tâm quản lý và xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ; ở tỉnh, thành phố là văn phòng quản lý và xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ, và tổ chức mạng lưới các thị trường khoa học và công nghệ liên kết chặt chẽ với nhau. Bố trí địa

điểm cố định và các phiên giao dịch định kỳ cho thị trường khoa học và công nghệ; định kỳ tổ chức các hội chợ triển lãm thành quả khoa học và công nghệ; xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên về công tác thị trường khoa học và công nghệ.

*Thứ hai, đổi mới quản lý và tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ gắn với đổi mới quản lý và tổ chức hoạt động kinh tế;* bảo đảm sự gắn kết lợi ích của người sáng tạo và lợi ích của các thành phần kinh tế - xã hội. Soát xét lại các cơ chế, chính sách quản lý kinh tế theo hướng sớm thu hẹp bao cấp, giảm độc quyền, giảm chi phí sản xuất, bảo hộ mậu dịch nhằm thúc đẩy cạnh tranh và hội nhập kinh tế, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa.

*Thứ ba, việc chuyển các tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ sang chế độ tự trang trải kinh phí và được hoạt động theo cơ chế của doanh nghiệp là một hướng đi quan trọng có tính đột phá,* tạo ra một môi trường hoạt động khoa học và công nghệ năng động, gắn với nhu cầu phát triển của sản xuất kinh doanh, gắn hoạt động khoa học và công nghệ với lợi ích của sản xuất và lợi ích của các tổ chức khoa học và công nghệ, của các nhà khoa học. Đây là một chủ trương mới, mang lại nhiều chính sách ưu đãi đối với các tổ chức khoa học và công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức có năng lực thực sự phát triển thành những cơ sở mạnh, có uy tín, có công nghệ và thương phẩm của riêng mình; đồng thời tạo điều kiện để phát triển nhanh các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh theo kết quả nghiên cứu.

*Thứ tư, nhanh chóng xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến thị trường khoa học và công nghệ,* ví dụ như về hợp đồng công nghệ, khuyến khích chuyển giao thành quả khoa học và công nghệ, điều lệ quản lý thị

trường khoa học và công nghệ. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng, khai thác và phát huy tác dụng của các sáng chế và các giải pháp hữu ích nhằm đổi mới công nghệ, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa Việt Nam. Pháp luật hóa quyền sử dụng, chuyển giao thành quả khoa học và công nghệ, quyền chuyển giao của bằng độc quyền, chuyển giao quyền nộp đơn xin cấp bằng độc quyền, hợp đồng chuyển giao bí quyết, hợp đồng cho phép khai thác bằng độc quyền... Các hoạt động chuyển giao thành tựu khoa học và công nghệ phải tuân theo các nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, công bằng, trung thực theo các thỏa thuận trong hợp đồng, tuân thủ pháp luật, bảo vệ lợi ích quốc gia, không được làm phương hại đến lợi ích của cộng đồng và xã hội. Quyền sở hữu trí tuệ trong chuyển giao các thành tựu khoa học và công nghệ được pháp luật bảo hộ.

*Thứ năm*, hoàn thiện cơ sở pháp lý và nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ. Có chế tài để xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ; bảo hộ, khuyến khích việc sử dụng những giải pháp, sáng chế mới. Tăng cường năng lực quản lý nhà nước và công tác thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Rà soát lại các cơ chế, chính sách quản lý kinh tế để thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp và cá nhân tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong kinh doanh, giảm đến mức tối đa sự can thiệp hành chính của các cơ quan nhà nước vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; thực hiện nguyên tắc công khai, minh bạch trong kinh doanh.

*Thứ sáu*, ban hành chính sách khuyến khích các doanh nghiệp nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh

doanh. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ, bước đầu khuyến khích, thúc đẩy các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm. Cần tiến hành tổng kết, phân tích, đánh giá, rút ra những bài học thực tiễn nhằm đưa ra được những chính sách thiết thực hơn nữa, hỗ trợ nhiều hơn nữa cho các doanh nghiệp, cho các doanh nhân phát triển sản xuất - kinh doanh, tăng cường năng lực cạnh tranh bằng ứng dụng các thành tựu khoa học, đổi mới công nghệ; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp liên kết với các cơ sở nghiên cứu, các trường đại học trong việc nghiên cứu chuyển giao công nghệ và đào tạo. Cần phấn đấu tiến đến thực hiện nguyên tắc chung là Nhà nước chỉ tài trợ cho những sản phẩm và dịch vụ mà Nhà nước đặt hàng. Chuyển dần trách nhiệm đầu tư vào lĩnh vực nghiên cứu và phát triển công nghệ cho các doanh nghiệp đảm nhận, Nhà nước hỗ trợ bằng cơ chế, chính sách; đồng thời tạo cơ chế để doanh nghiệp chủ động tìm các nguồn khác nhau để đầu tư vào lĩnh vực này.

*Thứ bảy*, thí điểm mô hình dạy nghề có sự phối hợp giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp với nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước và từ doanh nghiệp. Trong quá trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ, doanh nghiệp là một trong những nhân tố cơ bản và quan trọng nhất quyết định hướng phát triển của công nghệ. Có sự tập trung nỗ lực của các cấp, các ngành chia sẻ và tháo gỡ để doanh nghiệp thực sự có môi trường kinh doanh tốt; có sự phối kết hợp năng động và hiệu quả với các tổ chức khoa học và công nghệ (nghiên cứu, đào tạo) để giải quyết những vấn đề về công nghệ đang đặt ra cho doanh nghiệp. Như vậy, doanh nghiệp - khoa học - đào tạo - Nhà nước phải phối hợp làm một để chiếm lĩnh thị trường, đáp ứng những đòi hỏi ngày càng gay gắt của thương trường và mục tiêu của sự phát triển. □